

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH F88**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0805/2026/F88

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 2)

*(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 446/GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/11/2025)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. **Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ):** Công ty Cổ phần Kinh doanh F88
2. **Tên viết tắt:** F88 BUSINESS JSC
3. **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 8, Toà nhà G-Group Tower, số 5 Nguyễn Thị Duệ, Phường Yên Hoà, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
4. **Số điện thoại:** +84 24 7306 6388 **Fax:** **Website:** www.f88.vn
5. **Vốn điều lệ:** 1.673.185.770.000 đồng (Một nghìn sáu trăm bảy mươi ba tỷ một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).
6. **Mã cổ phiếu:** Không có
7. **Nơi mở tài khoản thanh toán:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Số hiệu tài khoản: 244201334
8. **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** mã số doanh nghiệp 0107490572 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) – Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2016, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 23/01/2026.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động cấp tín dụng khác - Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
 - Mã ngành: 6495
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ cầm đồ
9. **Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):**
Không có

II. Phương án chào bán (đợt 2)

1. **Tên trái phiếu:** Trái phiếu F88BOND.PO.02
2. **Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm
3. **Mã trái phiếu:** F88126015 (dự kiến)

(Khi trái phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trái phiếu sẽ được VSDC cấp mã trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành)

4. **Mệnh giá trái phiếu:** 100.000 đồng/trái phiếu
5. **Tổng số lượng trái phiếu chào bán:** 3.000.000 trái phiếu
6. **Tổng giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá):** 300.000.000.000 đồng
7. **Giá chào bán:** 100.000 đồng/trái phiếu.

8. **Lãi suất:** Lãi suất trái phiếu cho các Kỳ Tính Lãi cố định là **10%/năm**.

“Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là mỗi thời hạn 03 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ và bao gồm Ngày Phát Hành của đợt chào bán cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn của đợt chào bán hoặc ngày trái phiếu được mua lại trước hạn.

9. **Kỳ hạn trái phiếu:** 24 (hai mươi tư) tháng kể từ Ngày Phát Hành của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng

“Ngày Phát Hành” của đợt chào bán là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư của đợt chào bán.

10. **Kỳ trả lãi:** Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ vào ngày tròn 03 (ba) tháng, tính từ Ngày Phát Hành của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

11. **Phương thức phân phối:** Chào bán ra công chúng thông qua Đại Lý Phân Phối là Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

12. **Thời gian nhận đăng ký mua và nhận tiền mua trái phiếu:**

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký mua: Từ ngày 03/04/2026 đến 12 giờ 00 ngày 04/05/2026
- Thời gian nộp tiền đặt cọc: Từ ngày 03/04/2026 đến 17 giờ 00 ngày 04/05/2026
- Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 05/05/2026 đến hết ngày 07/05/2026

13. **Ngày kết thúc đợt chào bán:** 07/05/2026 (“Ngày Phát Hành”)

14. **Ngày dự kiến chuyển giao trái phiếu:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Dự kiến trong tháng 5 đến tháng 6 năm 2026.

III. Kết quả chào bán trái phiếu

Đối tượng mua trái phiếu	Giá chào bán (đồng/ trái phiếu)	Số trái phiếu chào bán	Số trái phiếu đăng ký mua	Số trái phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số trái phiếu còn lại	Tỷ lệ trái phiếu được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Nhà đầu tư trong nước	100.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	197	197	0	0	100,00%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	100.000	3.000.000	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số		3.000.000	3.000.000	3.000.000	197	197	0	0	100,00%

Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối trái phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức): Không có

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán trái phiếu

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: 3.000.000 trái phiếu, tương đương 100% tổng số trái phiếu chào bán.
2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng, trong đó:
 - (1) Số dư trên tài khoản phong tỏa đầu kỳ tại ngày 03/04/2026: 21.769.285 đồng
 - (2) Số tiền nhà đầu tư đăng ký mua thành công: 300.000.000.000 đồng
 - (3) Số tiền nhà đầu tư nộp thừa (*): 509.000.000 đồng
 - (4) Số tiền lãi ngân hàng: 283.305 đồng
 - (5) Phí quản lý tài khoản: 0 đồng
 - (6) Số dư trên tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu tại cuối ngày 07/05/2026 là (6) = (1) + (2) + (3) + (4) - (5): 300.531.052.590 (Ba trăm tỷ năm trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm chín mươi đồng) đồng.

(*) Toàn bộ số tiền thừa này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư theo quy định tại Bản cáo bạch và Hướng dẫn đăng ký và nộp tiền mua trái phiếu.
3. Tổng chi phí:
 - Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng
 - Phí phân phối trái phiếu:
 - Phí kiểm toán: 0 đồng
 - Phí tư vấn:
4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán:

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán	Sau đợt chào bán
1. Tổng nợ (đồng)	4.553.995.231.367	4.853.995.231.367
- Nợ ngắn hạn (đồng)	2.986.709.799.616	2.986.709.799.616
- Nợ dài hạn (đồng)	1.567.285.431.751	1.867.285.431.751
<i>Trong đó, Trái phiếu chưa đáo hạn (đồng)</i>	<i>1.200.000.000.000</i>	<i>1.300.000.000.000</i>
2. Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	2.723.197.172.350	2.723.197.172.350
3. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	1,67	1,78

Ghi chú:

- Số liệu nêu trên được tính toán căn cứ theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026.
- Giá trị Trái phiếu chưa đáo hạn sau đợt chào bán nêu trên đã bao gồm 300 tỷ đồng trái phiếu trong đợt chào bán ra công chúng này.

VI. Tài liệu gửi kèm

Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH F88

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phùng Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

F88 BUSINESS
JOINT STOCK COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 0805/2026/F88

Hanoi, 08 May 2026

REPORT

Results of the Public Bond Offering (Tranche 2)

(pursuant to the Certificate of Registration for Public Bond Offering No. 446/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 24 November 2025)

To: State Securities Commission of Vietnam

I. Introduction to the Issuer

1. **Full name of the Issuer:** F88 Business Joint Stock Company
2. **Abbreviated name:** F88 BUSINESS JSC
3. **Head office address:** 8th Floor, G-Group Tower, No. 5 Nguyen Thi Due Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam
4. **Telephone:** +84 24 7306 6388 **Fax:** **Website:** www.f88.vn
5. **Charter capital:** VND 1,673,185,770,000 (One trillion six hundred seventy-three billion one hundred eighty-five million seven hundred seventy thousand Vietnamese Dong).
6. **Stock code:** None
7. **Bank for opening payment account:** Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank) **Account number:** 244201334
8. **Enterprise Registration Certificate** No. 0107490572 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment (currently the Hanoi Department of Finance) – Business Registration and Corporate Finance Division, first issued on 30 June 2016 and amended for the 12th time on 23 January 2026.
 - **Primary business line:** Other credit granting activities – **Details:** Pawnshop services (only operated upon approval by competent State authorities).
 - **Business code:** 6495
 - **Main products/services:** Pawnshop services
9. **Establishment and operation license (if any as required under specialized laws):** None

II. Bond Offering Plan (Tranche 2)

1. **Bond name:** F88BOND.PO.02 Bonds
2. **Type of bonds:** Non-convertible bonds, without warrants and unsecured
3. **Bond code:** F88126015 (expected)

(Once the bonds are registered and centrally deposited at the Vietnam Securities Depository and

Clearing Corporation (VSDC) and listed on the Hanoi Stock Exchange, the bonds will be assigned a bond code by VSDC in accordance with applicable laws.)

4. **Par value:** VND 100,000 per bond
5. **Total number of bonds offered:** 3,000,000 bonds
6. **Total value of bonds offered (at par value):** VND 300,000,000,000
7. **Offering price:** VND 100,000 per bond
8. **Interest rate:** The bond interest rate for each Fixed Interest Period is 10% per annum.

“Interest Period” means each consecutive period of 03 (three) months commencing from and including the Issue Date of the offering until but excluding the relevant interest payment date and/or the Maturity Date of the offering or the early redemption date of the bonds.

9. **Bond tenor:** 24 (twenty-four) months from the Issue Date of the public bond offering.

“Issue Date” of the offering means the date on which the collection of subscription proceeds from investors for the offering is completed.

10. **Interest payment period:** Bond interest shall be paid in arrears on a quarterly basis, on every 03 (three)-month anniversary calculated from the Issue Date of the public bond offering.

11. **Distribution method:** Public offering through the Distribution Agents being BIDV Securities Joint Stock Company (BSC) and Eurocapital Securities Joint Stock Company.

12. **Subscription and payment period:**

- **Subscription application period:** From 03 April 2026 to 12:00 PM on 04 May 2026
- **Deposit payment period:** From 03 April 2026 to 5:00 PM on 04 May 2026
- **Bond purchase payment period:** From 05 May 2026 to the end of 07 May 2026

13. **Closing date of the offering:** 07 May 2026 (“Issue Date”)

14. **Expected bond delivery date:** Within 30 days from the closing date of the offering, expected from May to June 2026.

III. Results of the Bond Offering

Bond Purchasers	Offering Price (VND/Bond)	Number of Bonds Offered	Number of Bonds Registered for Purchase	Number of Bonds Distributed	Number of Registered Investors	Number of Investors Allocated Bonds	Number of Investors Not Allocated Bonds	Remaining Bonds	Distribution Ratio
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Domestic investors	100,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000	197	197	0	0	100.00%
2. Foreign investors and economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital	100,000	3,000,000	0	0	0	0	0	0	0
Total		3,000,000	3,000,000	3,000,000	197	197	0	0	100.00%

In the case of underwriting, details of the bond distribution to the underwriter(s) in accordance with the underwriting agreement (including quantity, price, and, in the case of an underwriting syndicate, details of each underwriter): None.

IV. Summary of the Results of the Bond Offering

1. **Total number of bonds distributed:** 3,000,000 bonds, equivalent to 100% of the total number of bonds offered.
2. **Total proceeds from the offering:** VND 300,000,000,000 (Three hundred billion Vietnamese Dong), including:
 - (1) Opening balance of the escrow account as of 03 April 2026: VND 21,769,285
 - (2) Amount paid by successfully registered investors: VND 300,000,000,000
 - (3) Excess payment made by investors (*): VND 509,000,000
 - (4) Bank interest: VND 283,305
 - (5) Account management fee: VND 0
 - (6) Closing balance of the escrow account for bond subscription proceeds as of the end of 07 May 2026, where (6) = (1) + (2) + (3) + (4) – (5): VND 300,531,052,590 (Three hundred billion five hundred thirty-one million fifty-two thousand five hundred ninety Vietnamese Dong).

(*) All excess payments shall be refunded to investors in accordance with the Prospectus and the Instructions for Bond Subscription and Payment.

3. **Total expenses:**
 - Underwriting fee: VND 0
 - Bond distribution fee:
 - Audit fee: VND 0
 - Advisory fee: VND
4. **Net proceeds from the offering:**

V. Capital Structure of the Issuer after the Offering

Criteria	Before the Offering	After the Offering
1. Total liabilities (VND)	4,553,995,231,367	4,853,995,231,367
- Short-term liabilities (VND)	2,986,709,799,616	2,986,709,799,616
- Long-term liabilities (VND)	1,567,285,431,751	1,867,285,431,751
Of which: Outstanding bonds (VND)	1,200,000,000,000	1,300,000,000,000
2. Total equity (VND)	2,723,197,172,350	2,723,197,172,350
3. Debt-to-equity ratio	1.67	1.78

Notes:

- The above figures are calculated based on the unaudited consolidated financial statements prepared for the period from 01 January 2026 to 31 March 2026.
- The value of outstanding bonds after the offering mentioned above includes VND 300 billion of bonds issued in this public offering.

I. VI. Attached Documents

Confirmation letter from the bank where the escrow account is opened regarding the amount of proceeds collected from the offering.

Hanoi, 08 May 2026

**F88 BUSINESS JOINT STOCK COMPANY
LEGAL REPRESENTATIVE**

(signed)

**Phung Anh Tuan
General Director**



Số: 900 /CNQM-FDI

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh xác nhận như sau:

1. Thông tin Khách hàng

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Kinh doanh F88
- Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà G-Group Tower, số 5 Nguyễn Thị Duệ, Phường Yên Hoà, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107490572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/01/2026.
- Số tài khoản phong tỏa (VND) nhận tiền đặt mua trái phiếu: 119002993638
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh

2. Chi tiết số dư tài khoản như sau:

- Số dư tài khoản đến hết ngày 07/05/2026: 300,531,052,590 đồng

3. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh đã thực hiện phong tỏa số tiền **300,531,052,590 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ năm trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm chín mươi đồng)** trên tài khoản số 119002993638 của Công ty cổ phần Kinh doanh F88 và chỉ thực hiện giải tỏa khi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh nhận được các tài liệu sau đây:

3.1. Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.

3.2. Chỉ thị bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 đề nghị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh giải tỏa tài khoản.

4. Giấy xác nhận được lập thành 03 bản: Công ty Cổ phần kinh doanh F88 giữ 02 bản (01 bản nộp UBCKNN), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam, Chi nhánh Quang Minh giữ 01 bản.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH QUANG MINH**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quý Sơn